



BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH VÀ MẶT CẮT ĐỊA HÌNH

NGO THI PHUONG UYEN,
2010

1



BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH

- 1. Bản đồ địa hình là gì?**
- 2. Định vị trên bản đồ: bằng hệ thống tọa độ kinh độ/ vĩ độ**
- 3. Phương và hướng trên bản đồ địa hình**
- 4. Cao độ trên bản đồ địa hình: điểm độ cao, vòng cao độ**
- 5. Ký hiệu trên bản đồ**
- 6. Tỷ lệ bản đồ**

NGO THI PHUONG UYEN,
2010

2



1. Bản đồ địa hình (bản đồ nền)

Bản đồ địa hình là hình thể thu gọn của một vùng đất lên mặt phẳng nằm ngang

Bản đồ địa hình diễn tả hình thể của bề mặt Trái đất với những khác biệt về độ cao của những vị trí khác nhau trên mặt đất

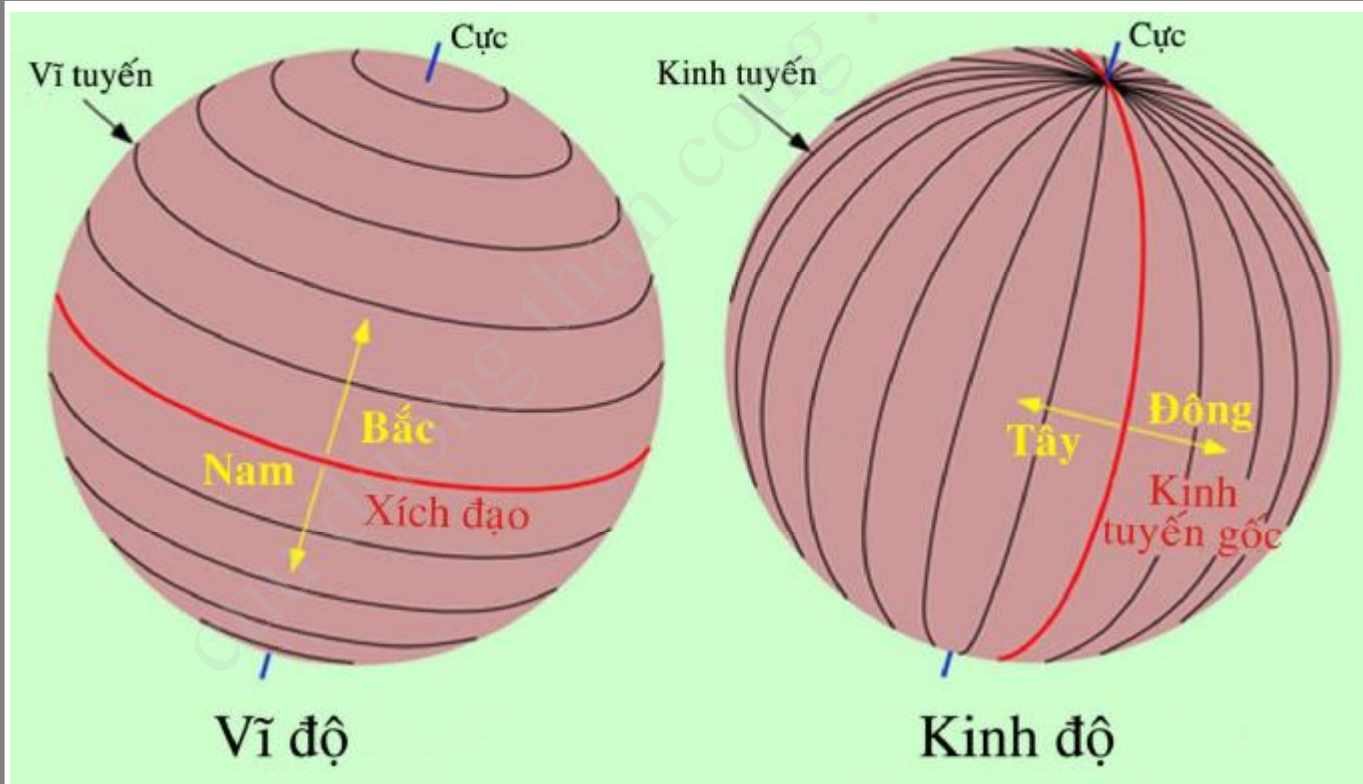


NGO THI PHUONG UYEN,
2010

3



2. Định vị trên bản đồ:

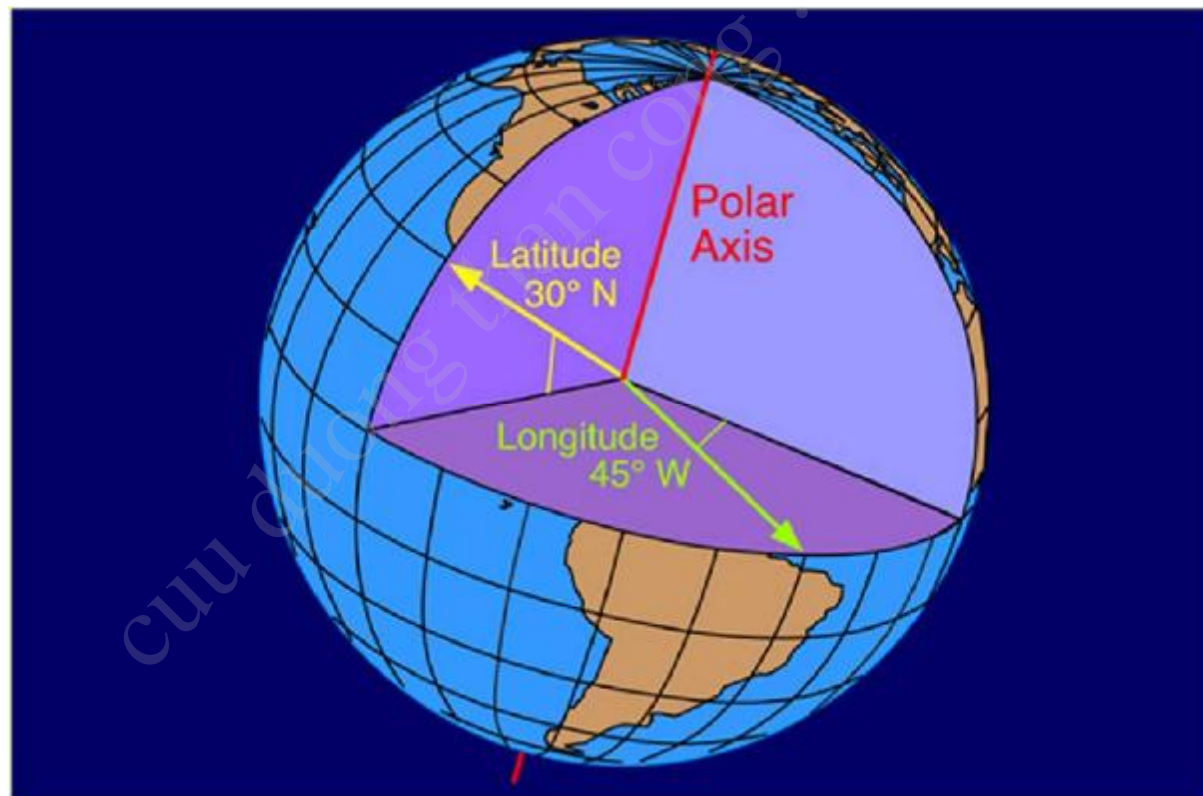


NGO THI PHUONG UYEN,
2010

4



2. Định vị trên bản đồ:



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGUYỄN,
2010

5



3. Phương – hướng trên bản đồ:

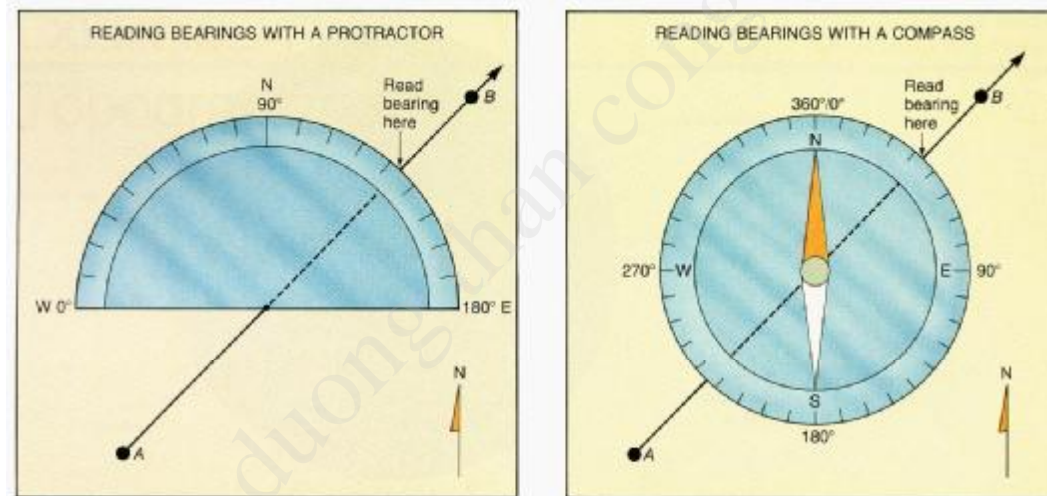


FIGURE 5.2 Reading bearings—examples of reading the bearing of a line drawn from point A to point B. Using a protractor, orient its flat side along an east-west line, and center its origin on any point of the line segment A–B. Next, read the bearing: for example, “North 46° East.” (If you do not have a protractor, you can orient a compass similarly. Ignore the compass needle, and read the bearing in this example as “North 46° East,” or as an azimuth reading of simply “46°.”) To simplify orienting the protractor or compass, you can project the line segment A–B as a ray through one of the map’s borders that parallel (or “are normal to”) east-west lines.

NGO THI PHUONG UYEN,
2010

6



4. Cao độ trên bản đồ:

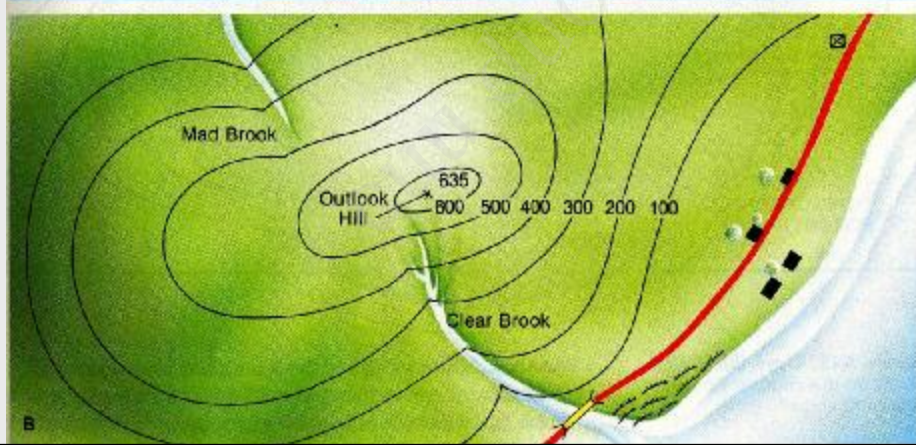
- **Độ cao của một điểm trên bản đồ:**
được đo và tính so với mực chuẩn (datum) là mực nước biển trung bình (mean sea level)
- **Vòng cao độ trên bản đồ:** là đường tưởng tượng nối liền những điểm có cùng độ cao và được vẽ lên bản đồ của một vùng.
 - Đặc điểm của vòng cao độ:
 - Vòng cao độ bị uốn cong hình chữ V
 - Triền dốc
 - Trũng địa hình

NGO THI PHUONG UYEN,
2010

7



4. Cao độ trên bản đồ:



Nhắc nhở của vòng cao độ

Ø Một vòng cao độ phải là một vòng khép kín. Nếu khung bản đồ nhỏ hơn diện tích của bản đồ, vòng cao độ bỏ qua ô trống bản đồ

Ø Các vòng cao độ thường nằm rời nhau, chúng chập chạc vào nhau ô các bờ vách thẳng đứng và chúng không nối liền nhau

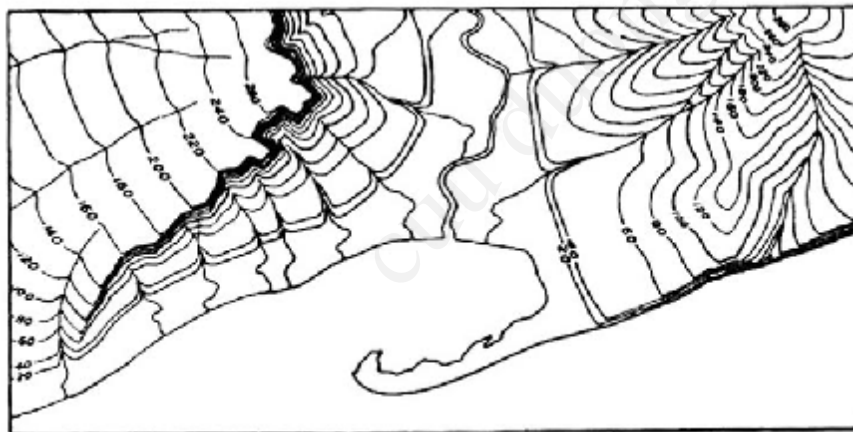
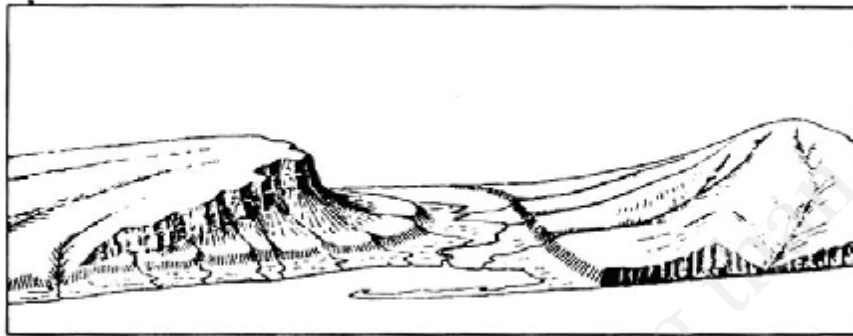
Ø Vòng cao độ giới hạn nửa hình cầu hơn ô bên trong và thấp hơn ô bên ngoài vòng

ONG UYEN,
0

8



4. Cao độ trên bản đồ:



▼ VÒNG CAO NỒI UỐN CON HÌNH CHỒI V

Vòng cao nôi bờ uốn cong hình chồi V
ôì nôi cắt qua dòng nước và ãnh chồi
V quay về phía nguồn của dòng nước

▼ TRIỀN ĐỐC

ü Vòng cao nôi nằm cách xa nhau,
mặt ãnh gần nhò bằng phẳng

ü Vòng cao nôi xếp khít chặt,
triền dốc đứng lên

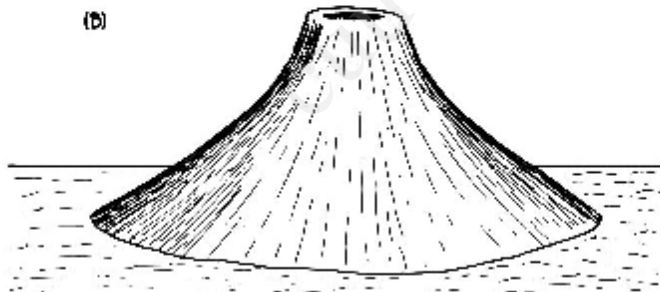
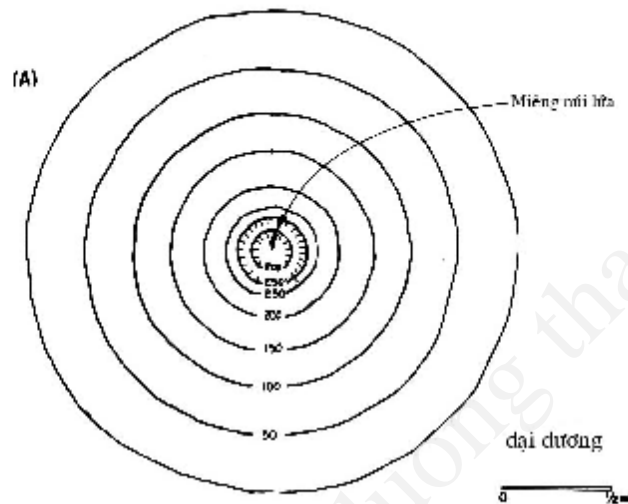
ü Vòng cao nôi hòa trung nhau,

HUONGUYEN,
2010

9



4. Cao độ trên bản đồ:



▼ TRUNG NỎA HÌNH

Núi cao nổi bao quanh một trung tâm thì vòng cao nổi nổi với thêm các răng lược (*hachures*)

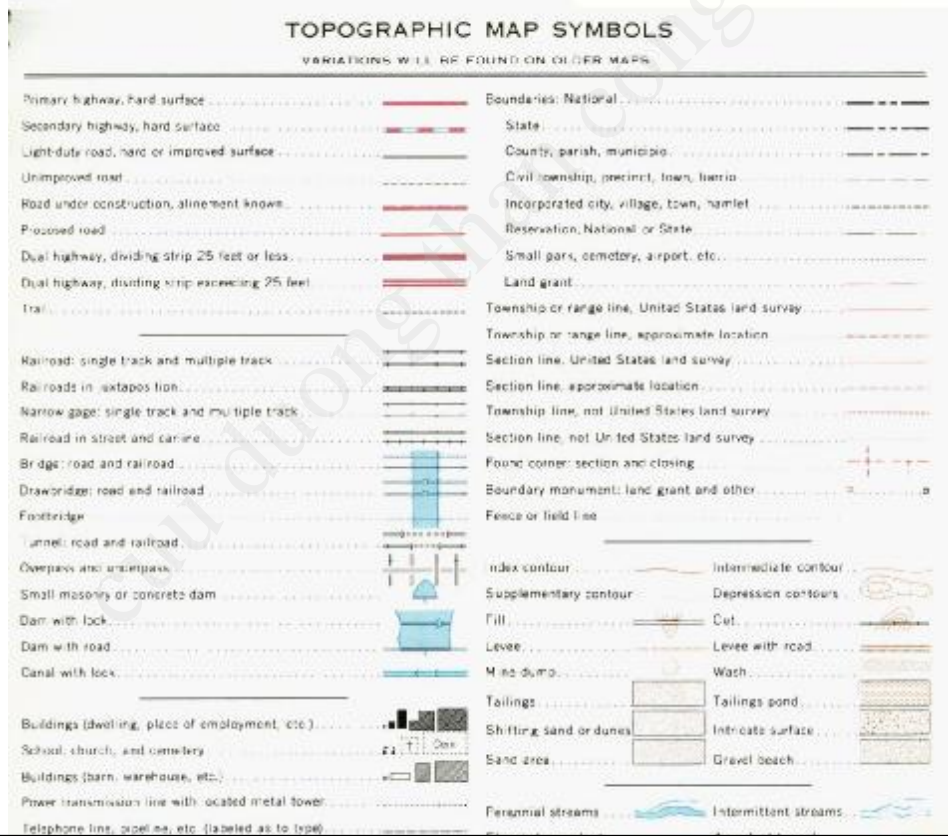
I PHUONG UYEN,
2010

10



5. Ký hiệu trên bản đồ:

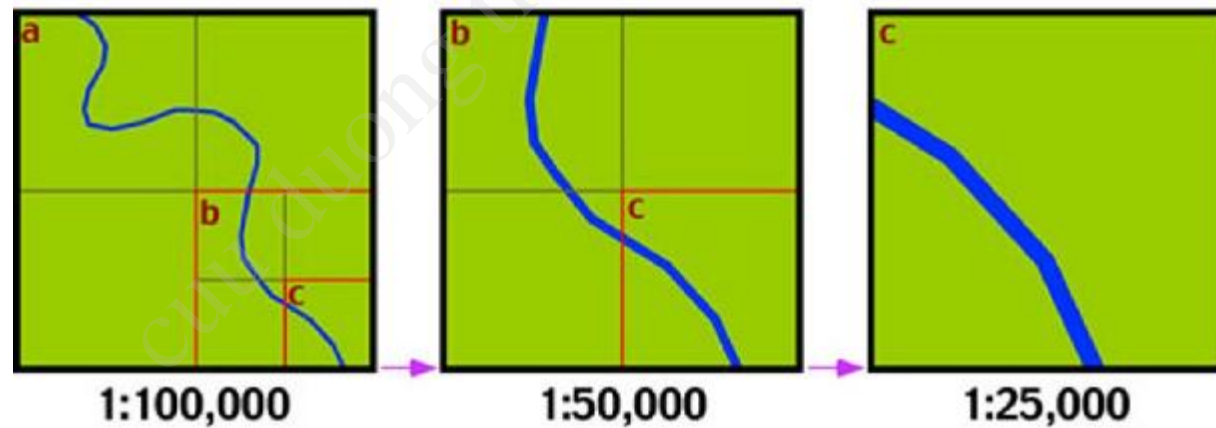
FIGURE 5.6 (Opposite page) Symbols used on topographic quadrangle maps produced by the U.S. Geological Survey.





6. Tỷ lệ bản đồ:

$$\text{Tỷ lệ bản đồ} = \frac{\text{Khoảng cách đo được trên bản đồ}}{\text{Khoảng cách đo được ngoài thực tế}} = \frac{d}{D}$$



NGO THI PHUONG UYEN,
2010

12

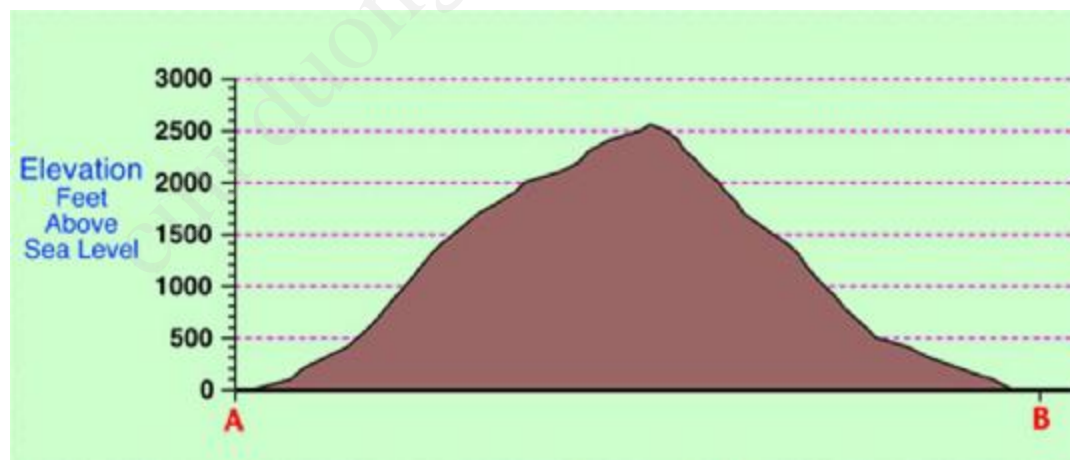
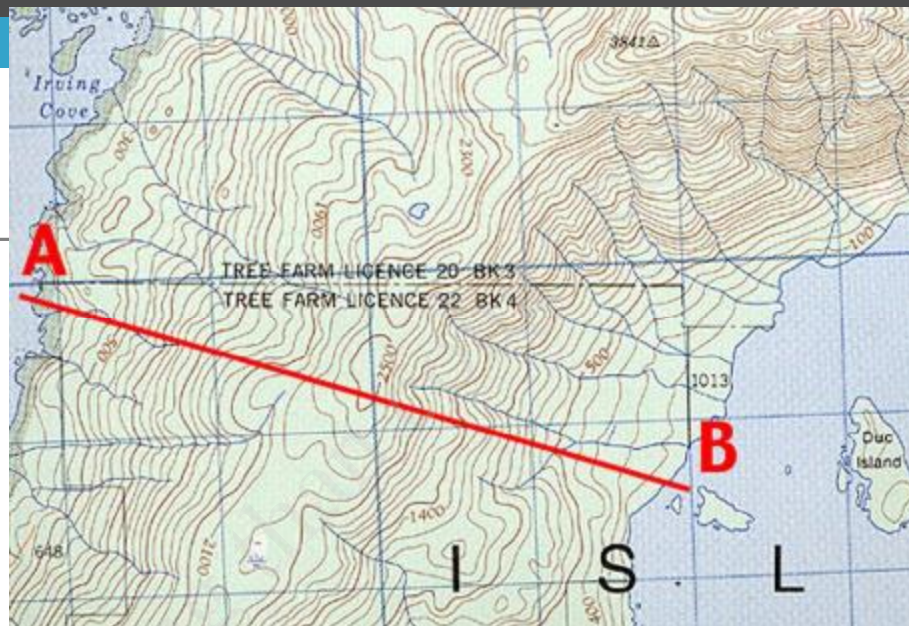


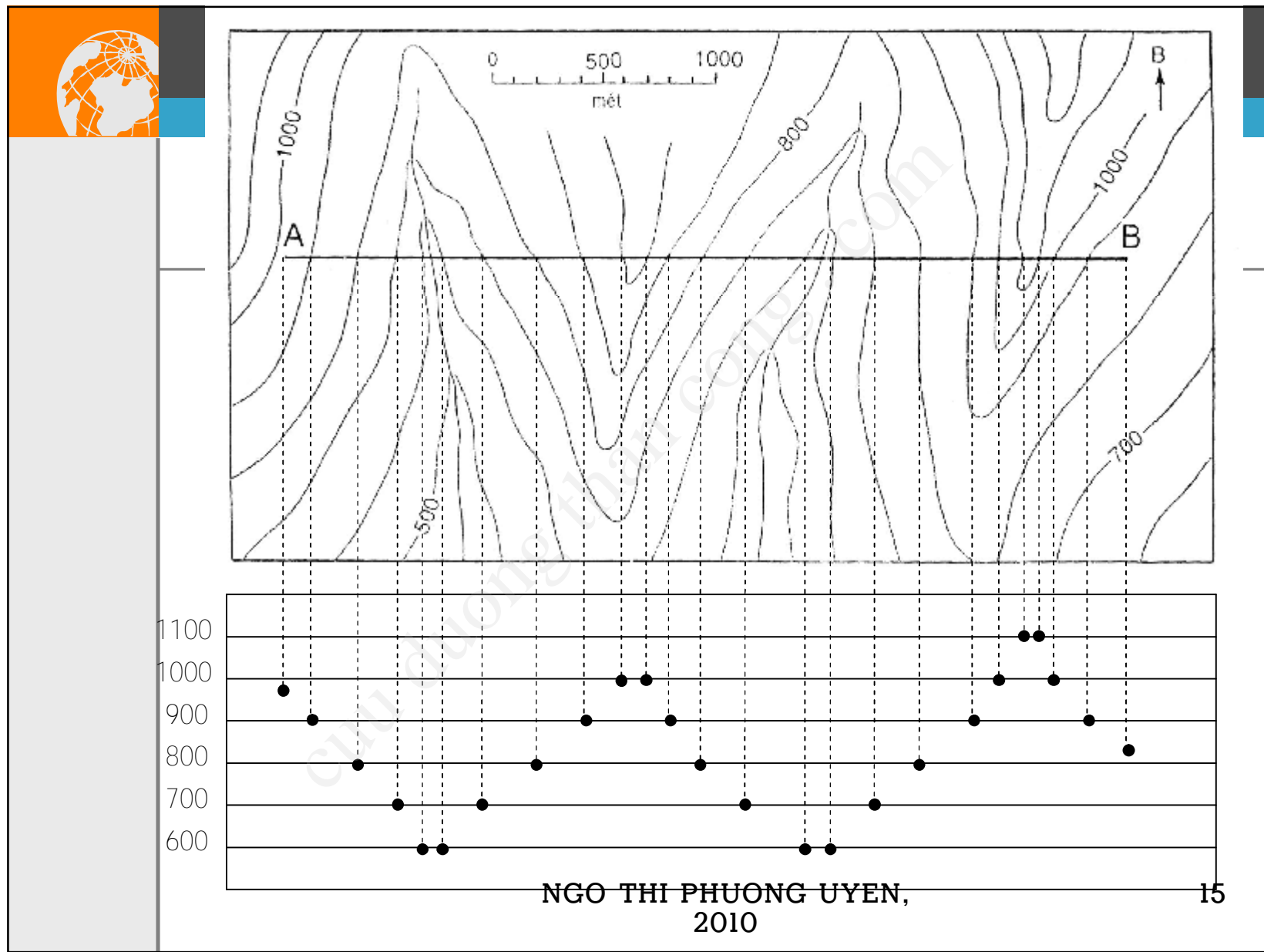
MẶT CẮT ĐỊA HÌNH

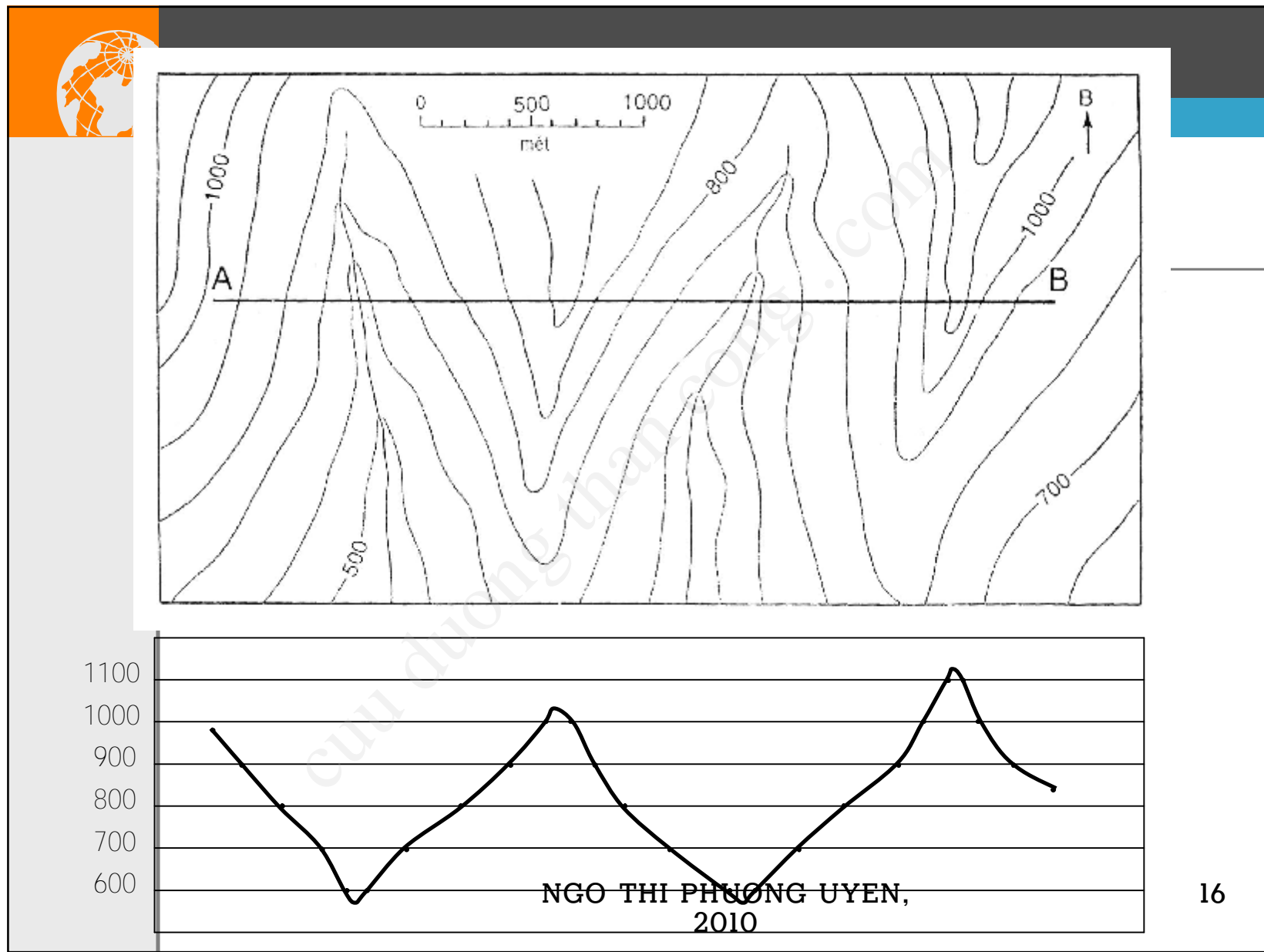
1. Mặt cắt địa hình là gì?
2. Tỷ lệ ngang (tỷ lệ dài)/tỷ lệ đứng (tỷ lệ cao)
3. Lập mặt cắt
4. Trình bày mặt cắt

NGO THI PHUONG UYEN,
2010

13





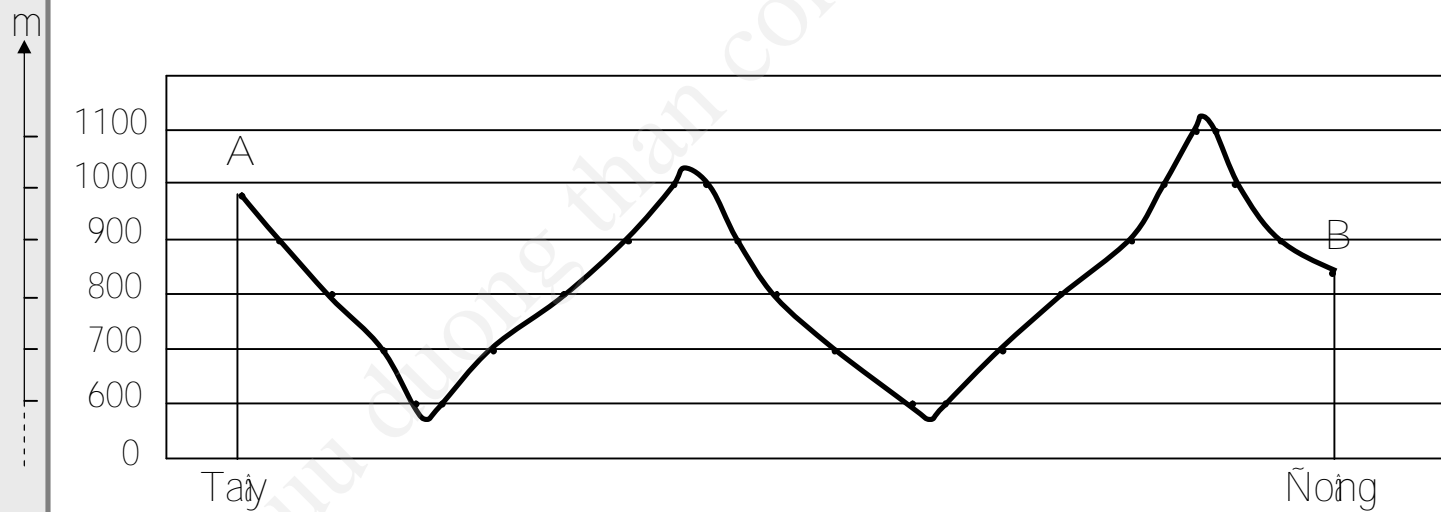




MAỆT CAỆT ÑÒA HÌNH THEO ÑÒÔNG AB

TYÛLE ÆNGANG:

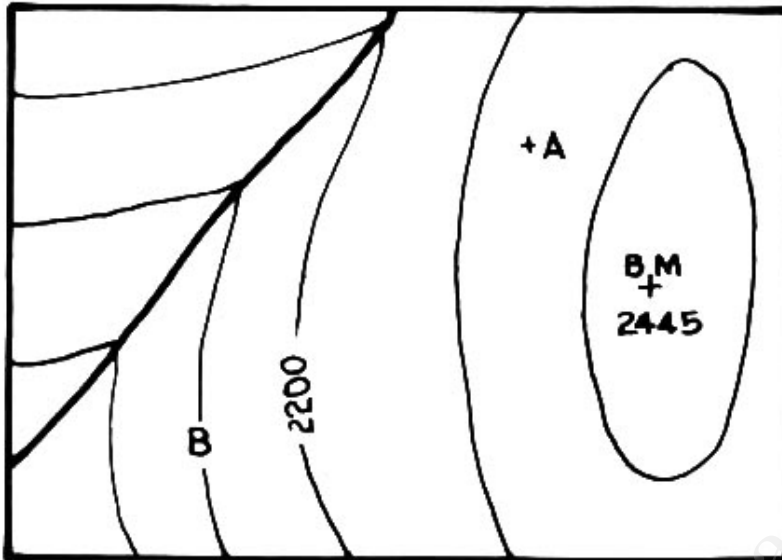
TYÛLE Æ ÑÔNG:



Ngöôøi veà

NGO THI PHUONG UYEN,
2010

17



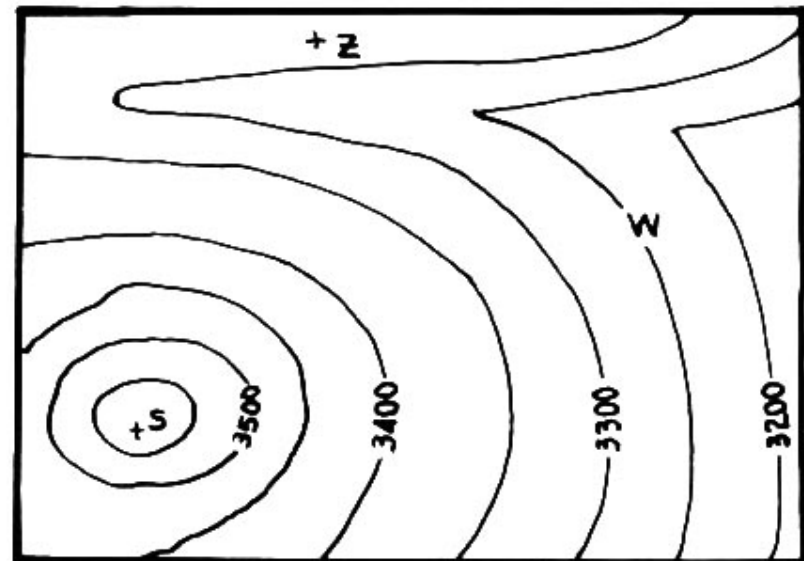
Trò soát độ cao của điểm:

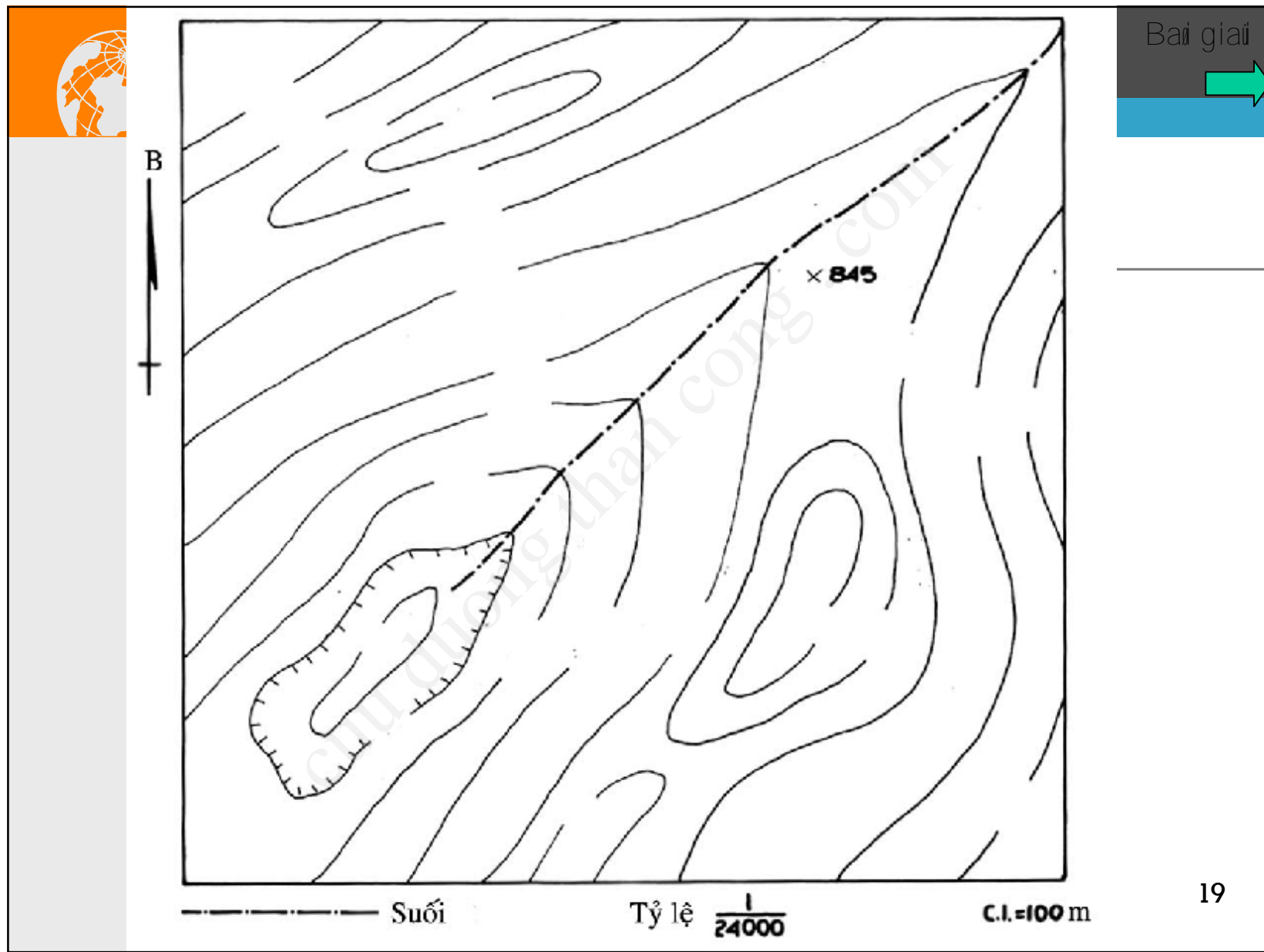
- Điểm S:
- Điểm Z:
- Vong cao ñi W:

Trò soát độ cao của điểm:

- Vong cao ñi B:
- Điểm A:

NGO '





19

